

XÁC LẬP MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

• HOÀNG MẠNH DŨNG - LÊ THANH HUY

TÓM TẮT:

Đô thị hóa đã thu hẹp đất nông nghiệp. Số lượng cư dân thành phố ngày càng tăng cùng với biến đổi khí hậu tác động mạnh đến điều kiện canh tác khi nhiệt độ tăng, lượng mưa thay đổi thất thường ảnh hưởng nặng nề đến mùa vụ. Từ đó tạo điều kiện cho nông nghiệp đô thị phát triển ở nhiều nơi trên thế giới. Nông nghiệp đô thị là hình thức sản xuất thông qua sử dụng các diện tích nhỏ, lô đất trống, sân vườn, thảm cỏ, ban công, sân thượng trong các thành phố lớn để trồng cây phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu. Lợi điểm của thực phẩm từ nông nghiệp đô thị ít tốn phí vận chuyển, đóng gói và lưu trữ, tỉ lệ hao hụt do lưu trữ - vận chuyển giảm; tươi ngon, giàu dinh dưỡng và có giá cạnh tranh do giảm được các khâu trung gian; chi phí sản xuất thấp và phát thải CO₂ cũng giảm. Nghiên cứu này góp phần phát triển nông nghiệp đô thị tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn 2020-2030.

Từ khóa: Nông nghiệp đô thị, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, mô hình nông nghiệp đô thị.

1. Đặt vấn đề về xu thế phát triển tất yếu của nông nghiệp đô thị

Theo FAO (1996), UNDP (1999), RUAF foundation (1999), Luc J A Mougeot (2002), nông nghiệp đô thị (NNĐT) là một ngành sản xuất ở trung tâm, ngoại ô và vùng lân cận đô thị, có chức năng trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và phân phối các loại thực phẩm, lương thực và các sản phẩm khác, sử dụng các nguồn lực tự nhiên và nhân văn, các sản phẩm cùng các dịch vụ ở đô thị và vùng lân cận để cung cấp trở lại cho đô thị các sản phẩm và dịch vụ cao cấp. Nông nghiệp đô thị bao gồm nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị với các hoạt động chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản [1] [7] [6]. Tại Cairo, đầu thập kỷ 1990, một nhóm giáo sư nông nghiệp phát triển phương pháp trồng rau trên sân thượng tại khu vực đô thị đông dân. Sau đó được mở rộng nhanh khi có hậu thuẫn chính thức của FAO vào năm 2001. Tại Mumbai, một trong các thành phố

có mật độ dân cao nhất thế giới, người dân làm vườn hữu cơ quy mô nhỏ trên cơ sở dùng bã mía trộn đất đựng trong túi nhựa hay trong các loại hộp, ống, lốp xe, treo trên ban công, thậm chí treo trên tường, để có rau ăn tại gia và tăng thu nhập. Hộ gia đình tự túc được 5 kg rau quả mỗi ngày trong 300 ngày của năm. Ở Trung Quốc, tại nhiều thành phố lớn của nước này, NNĐT và ven đô cung cấp tới 85% nhu cầu về rau xanh, 50% về thịt trứng của người dân. Riêng thành phố Thượng Hải dùng đến 60% rau, 90% trứng và có 800.000 việc làm từ NNĐT; thành phố Bắc Kinh thu 271 triệu USD mỗi năm nhờ khai thác du lịch từ NNĐT. Còn ở Cuba phát triển mạnh mẽ NNĐT để cung ứng thực phẩm tươi sống tại chỗ cho cư dân đô thị. Nhờ đó, thủ đô Havana đã tự túc được đến 90% loại thực phẩm này. Năm 2008 có hơn 20 vạn thị dân Cuba làm việc trong ngành này, sử dụng 140 km² đất đô thị. Các học giả phương Tây coi Havana như một hình mẫu thành công của NNĐT và quản lý

đô thị của thế giới. NNĐT thường có quy mô nhỏ, nhưng lại dễ dàng tiếp cận công nghệ, quản lý sâu bệnh, phân bón, nước tưới và giàu tiềm năng về đầu tư, chăm sóc. Từ đó, cho năng suất cao (cao hơn so với vùng nông thôn 15 lần, 1m² đất cung cấp 20 kg thực phẩm/năm). Ước tính, trên thế giới hiện có khoảng 800 triệu người kiếm sống nhờ sản xuất thực ăn, lương thực từ NNĐT. Khi có thâm hụt, tự cung cấp lương thực sạch rất quan trọng và những không gian mở ở đô thị như đất nông nghiệp được sử dụng làm nơi cấp cứu, hay điểm định cư tạm thời. NNĐT còn có khả năng phát triển theo các mô hình chuyên biệt để cung ứng nhiều dịch vụ cho đô thị như cung cấp cây xanh, hoa tươi và thực phẩm cho khách sạn, cung ứng dịch vụ du lịch, dịch vụ an đường... NNĐT cũng tái sử dụng chất thải đô thị để làm phân bón, nước tưới và góp phần quan trọng giảm ô nhiễm môi trường [2].

Theo Văn Việt (2020), NNĐT đã xuất hiện tại nhiều nơi trên thế giới với quy mô về số lượng ngày càng tăng. Nguyên nhân là lượng người chuyển đến sinh sống ở thành phố ngày càng nhiều trong khi thế giới đang tìm cách sản xuất thêm lương thực và sử dụng ít các tài nguyên như nước và đất. Dân số châu Á khả năng sẽ tăng thêm 250 triệu người vào năm 2030. Ngành Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm khu vực, đang phụ thuộc vào nhập khẩu, cần phải bắt kịp nhu cầu để đảm bảo an ninh lương thực. Châu Á cần đầu tư thêm 800 tỷ USD trong vòng 10 năm tới để giải quyết thách thức về lương thực [10].

Theo Hoàng Thị Ngọc Ánh (2018), đô thị hóa là một quá trình tất yếu, không thể không xảy ra, dù muốn hay không muốn tương lai của thế giới vẫn nằm ở các thành phố. Đó là kết luận của Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về đô thị do Liên hợp quốc tổ chức tại Istanbul. Mặc dù chi mới phát triển mạnh từ những năm 70 của thế kỷ XX trở lại đây, song NNĐT đã góp phần trong chiến lược phát triển bền vững của các đô thị trên thế giới. Ở Việt Nam, NNĐT hiện diện với tình trạng mạnh mẽ; xuất phát từ sự sáng tạo của cư dân thành thị nhưng mô hình NNĐT chắc chắn sẽ là hướng đi chiến lược cho sự phát triển nhanh, bền vững của các đô thị trong bối cảnh hiện nay [3].

2. Tổ chức nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua tiếp cận đối tượng nghiên cứu một cách tự nhiên nhằm đảm bảo hành vi, ý kiến, quan điểm mang tính khách quan và chính xác. Bài viết sử dụng kỹ thuật phân tích theo chủ đề là một hình thức

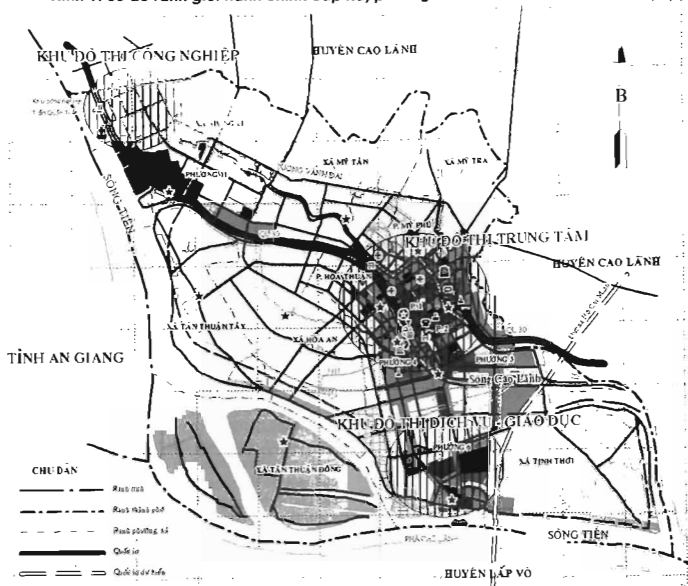
phân tích phổ biến trong nghiên cứu định tính. Kỹ thuật phân tích này cho phép linh hoạt khi lựa chọn khung lý thuyết. Thông qua tính linh hoạt này, phân tích theo chủ đề cho phép mô tả dữ liệu phong phú, chi tiết và phức tạp hơn. Thông tin và dữ liệu nghiên cứu thu thập thông qua lược khảo tài liệu trong lẫn ngoài nước có liên quan đến chủ đề NNĐT từ những thập niên cuối của thế kỷ XX đến nay. Ngoài ra, bài viết cũng căn cứ vào quy định pháp luật liên quan đến quy hoạch vùng lân phát triển đô thị trong bối cảnh mới. Không gian nghiên cứu tập trung tại TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian nghiên cứu từ tháng 1/2020 đến tháng 4/2020.

3. Giới thiệu về thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

TP. Cao Lãnh nằm ở tả ngạn sông Tiền dọc theo quốc lộ 30, cách TP. Hồ Chí Minh 154km, TP. Cần Thơ 80km, có vị trí địa lý phía Bắc và phía Đông giáp huyện Cao Lãnh; phía Nam giáp huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, qua sông Tiền; phía Tây giáp huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, qua sông Tiền. Điều kiện tự nhiên là một lợi thế của TP. Cao Lãnh. Địa chất hình thành từ trầm tích phù sa sông, giàu hữu cơ và dinh dưỡng, thích hợp cho trồng trọt. Sông ngòi và cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn, tạo nên nét đặc trưng của một đô thị sông nước, là cơ hội cho phát triển các khu dịch vụ nghỉ dưỡng tái tạo sức khỏe. TP. Cao Lãnh là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và hội và quốc phòng an ninh của tỉnh Đồng Tháp; là một trong bốn đô thị động lực nằm trong tư giác phát triển kinh tế của khu vực trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm: TP. Cần Thơ, TP. Long Xuyên và TP. Vĩnh Long. Cùng với thị xã Hồng Ngự và TP. Sa Đéc, TP. Cao Lãnh là một trong ba đô thị lớn và là đô thị trung tâm kinh tế phát triển hạt nhân vùng trọng điểm của tỉnh Đồng Tháp; các cơ quan lãnh đạo của Tỉnh và hầu hết các đơn vị tài chính, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Tỉnh và Trung ương đều đóng trên địa bàn TP. Cao Lãnh. Ngày 07/01/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định công nhận TP. Cao Lãnh đạt tiêu chí đô thị loại II, trực thuộc tỉnh Đồng Tháp [8].

Địa giới hành chính TP. Cao Lãnh có 15 đơn vị hành chính, gồm: 8 phường: 1, 2, 3, 4, 6, 11, Mỹ Phú. Hòa Thuận thuộc khu vực nội thành và 7 xã: Hòa An, Mỹ Ngãi, Mỹ Tân, Mỹ Trà, Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây, Tịnh Thới thuộc khu vực ngoại thành. TP. Cao Lãnh có diện tích tự nhiên là 10.726,6 ha, bao gồm 3.013,7 ha diện tích nội thị (28,1%). Dân số toàn đô thị năm 2019 là 213.945 người, bao gồm

Hình 1: Sơ đồ ranh giới hành chính cấp xã, phường trực thuộc TP. Cao Lãnh (8)



58,6% dân nội thị. Mật độ dân số có sự chênh lệch lớn giữa hai khu vực nội thị và ngoại thị. Tổng số lao động tham gia các ngành kinh tế toàn đô thị năm 2019 đạt 83.752 người, bao gồm 79,1% lao động phi nông nghiệp [8]. (Hình 1)

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của TP. Cao Lãnh

Trong 5 năm gần đây, TP. Cao Lãnh có mức tăng trưởng kinh tế khá hơn trước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: trong đó, thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn và giữ vai trò thúc đẩy tăng trưởng chung của kinh tế TP. Cao Lãnh; công nghiệp - xây dựng tiếp tục phát huy vai trò động lực, chuyên dẫn đầu xuất nông nghiệp truyền thống sang làm kinh tế nông nghiệp đô thị. Kinh tế phát triển giúp cân đối thu chi ngân sách của TP. Cao Lãnh

luôn đạt và vượt chỉ tiêu. Năm 2019, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 1.579 tỷ đồng, tăng hơn gấp 3 lần so với năm 2015. Tổng chi ngân sách năm 2019 của TP là 1.028 tỷ đồng. Kinh tế tăng trưởng mạnh giúp thu nhập bình quân đầu người được cải thiện rõ rệt, tính đến cuối năm 2019 thu nhập bình quân đầu người là 50.518 triệu đồng/người/năm. Ở chiều ngược lại, tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2019 đã giảm xuống chỉ còn 1,36%. Công tác đầu tư xây dựng phát triển đô thị cũng có những bước tiến mạnh mẽ. Những năm qua, TP. Cao Lãnh đã phối hợp thực hiện đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng 03 công trình lớn từ nguồn vốn ODA với tổng mức đầu tư 7,6 tỷ đồng (Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án TP. Cao Lãnh 1,6 tỷ đồng; Dự án thoát nước TP. Cao Lãnh 459 tỷ đồng; Dự án cầu

Bảng 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2019 của thành phố Cao Lãnh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện năm 2019	So với chỉ tiêu KH năm 2019
I.	Về kinh tế				
1.	Tổng giá trị sản xuất bình quân trên địa bàn của một số ngành chủ yếu (giá so sánh 2010)	Tr.đồng	15.918.478	15.984.648	100,42%
	Tốc độ tăng	%/năm	5,74	6,85	
	Trong đó:				
	- Giá trị sản xuất nông nghiệp	Tr.đồng	1.236.975	1.266.736	102,41%
	- Giá trị sản xuất lâm nghiệp	Tr.đồng	22.766	22.154	97,31%
	- Giá trị sản xuất thủy sản	Tr.đồng	409.309	397.784	97,18%
	- Giá trị sản xuất công nghiệp	Tr.đồng	12.843.840	12.858.056	100,11%
	- Giá trị sản xuất xây dựng	Tr.đồng	1.405.588	1.439.918	102,44%
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV	Tr.đồng	12.469.950	12.671.583	101,62%
2.	Diện tích sản xuất gắn kết tiêu thụ nông sản	ha	300 ha diện tích liên kết tiêu thụ	498,5	166,17%
3.	Tỷ lệ đô thị hóa	%	70	70	100%
4.	Xây dựng nông thôn mới	xã	Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (XDNTM)	Hoàn thành hồ sơ công nhận TP. Cao Lãnh hoàn thành nhiệm vụ XDNTM	100%
5.	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	762,72	958	125,6%
II.	Về văn hóa - xã hội				
6.	Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt	%	90	90	100%
7.	Số trường học đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	3	3	100%
8.	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90,32	90,32	100%
9.	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm	%	0,3	0,51	170%
10.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	<12	10,77	100%
11.	Đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	90	130	144%
12.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề (được cấp chứng chỉ nghề)	%	70,66	70,66	100%

Nguồn: Báo cáo số 301/BC-UBND ngày 13/12/2019 của UBND TP. Cao Lãnh [9]

và đường dẫn Cầu Cao Lãnh 5.700 tỷ đồng). Các dự án này đã phát huy hiệu quả sau đầu tư, góp phần rất lớn trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội TP. Cao Lãnh. Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2019 đạt 1.267 tỷ đồng, tăng 45,08% so với năm 2015. Tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố là 5.247,1 ha; chiếm tỷ lệ 48,91% diện tích đất tự nhiên toàn thành phố; đất sản xuất nông nghiệp 5.123,3 ha, chủ yếu là trồng cây ăn trái (trồng xoài 3.170,5 ha; trồng nhãn 222,1 ha; trồng cây có múi 69,1 ha).

Do đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh, diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp dần, diện tích đất trồng lúa dự kiến sẽ còn rất ít, chủ yếu là sản xuất lúa giống. Vì vậy, trong cơ cấu kinh tế của TP. Cao Lãnh, khu vực nông, lâm nghiệp - thủy sản chiếm tỉ trọng không cao. Thời gian qua, TP. Cao Lãnh đã triển khai thực hiện các giải pháp như áp dụng quy trình VietGAP, GlobalGAP trong sản xuất, áp dụng kỹ thuật chơ xoài ra hoa rải vụ; chế biến đa dạng sản phẩm xoài, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu.... Do đó, đã nâng cao thu nhập cho người sản xuất, năng lực hợp tác xã sản xuất và kinh doanh xoài trên địa bàn. Ngành Chăn nuôi với số lượng đàn gia súc, gia cầm giảm so với năm 2015. Nguyên nhân từ giảm số lượng cơ sở, hộ gia đình chăn nuôi không đảm bảo về sinh, môi trường; do nắm gần các khu dân cư tập trung nên số lượng đàn gia súc, gia cầm giảm tương ứng. Ngành Thủy sản vẫn được giữ ổn định, diện tích thả nuôi ước đạt 116,5 ha, sản lượng ước đạt 1.424 tấn/năm, chủ yếu tập trung tại các xã Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây, Tịnh Thới.

Trên địa bàn TP. Cao Lãnh có 16 di tích lịch sử văn hóa; trong đó 02 di tích được công nhận cấp Quốc gia (Di tích mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ở Phường 4 và Đền thờ ông, bà Đỗ Công Tường ở Phường 2) và 14 di tích được công nhận cấp Tỉnh. Các di tích lịch sử - văn hóa có vai trò, vị trí đặc biệt trong đời sống cộng đồng dân cư. Đây là nơi thu hút đông đảo nhân dân tham gia các hoạt động lễ hội, phản ánh sâu sắc nét văn hóa truyền thống của địa phương. Phát triển du lịch sinh thái miệt vườn bao gồm: Khu du lịch sinh thái cồn Tân Thuận Đông, du lịch trải nghiệm Tân Thuận Tây; một số dự án đang được xây dựng tại khu vực ven sông Tiền (khu sản xuất hoa kiềng gần với khu lưu trú homestay ven sông, khu vực làng Bích họa Cao Lãnh (đây là dự án đánh dấu sự hợp tác xây dựng cầu Cao Lãnh giữa Việt Nam và Úc). Cồn Tân Thuận Đông đang phát triển loại hình du lịch sinh thái miệt vườn với

không gian gần 1.000 ha trồng xoài, nhãn và cam xoài nằm giữa sông Tiền. Tuy nhiên, hiện trạng phát triển du lịch còn kém hiệu quả, do chưa được đầu tư hạ tầng dịch vụ tương xứng; người nông dân thiếu kinh nghiệm trong làm dịch vụ du lịch. Hình thức lưu trú tại trung tâm cơ bản đáp ứng nhu cầu của du khách trong nước và quốc tế, chủ yếu là khách sạn với tiêu chuẩn từ cơ bản đến cao cấp. Loại hình du lịch homestay phát triển kết hợp trong khu di tích Lăng cụ Phó Bảng, tại khu vực làng Hòa An xưa. Ngoài ra, các điểm dịch vụ trên cồn Tân Thuận Đông cũng bắt đầu khai thác, phục vụ đa dạng nhu cầu lưu trú của khách du lịch. Là một thành phố trẻ với bản sắc của một đô thị sông nước, TP. Cao Lãnh có nhiều tiềm năng trong khai thác các lợi thế và đặc trưng riêng để phát triển du lịch trong tương lai. Đây là một bài toán trong định hướng quy hoạch xây dựng, cần phát triển cân bằng nhằm bảo tồn các giá trị xanh hiện có [8]. (Bảng 1)

Qua Bảng 1, nhận xét chung về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cao Lãnh như sau:

- Về thuận lợi

TP. Cao Lãnh là trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển các khu vực lân cận thuộc tỉnh.

Ngành Nông nghiệp - Thủy sản của TP. Cao Lãnh đã hình thành được các vùng chuyên canh có quy mô diện tích, sản lượng hàng hóa lớn và chất lượng cao.

Khu vực kinh tế chủ lực là thương mại - dịch vụ đang phát triển với tốc độ cao.

Hạ tầng kỹ thuật - xã hội có bước đột phá mạnh nên đã thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư vào địa bàn góp phần phát triển kinh tế - xã hội [8].

- Về khó khăn

TP. Cao Lãnh có nguồn lao động dồi dào, nhưng thiếu đội ngũ lao động đào tạo có tay nghề đáp ứng nhu cầu cho các ngành công nghiệp - xây dựng.

Khu vực nông nghiệp - thủy sản chưa hình thành được vùng sản xuất tập trung gắn kết với chế biến và thị trường tiêu thụ nên hiệu quả sản xuất chưa cao.

Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ tuy phát triển nhưng chưa thu hút được nhiều nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Về hạ tầng kỹ thuật - xã hội chưa đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế nên gây khó khăn trong thu hút nguồn đầu tư ngoại lực vào địa bàn.

Ngành Du lịch phát triển khá nhanh nhưng do còn hạn chế về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực nên

chưa tạo được ấn tượng mạnh để thu hút khách du lịch [8].

5. Mô hình nông nghiệp đô thị tại thành phố Cao Lãnh

Dẫn theo Lê Văn Trường (2008) từ René Van Veenhuizen (2006) phân chia NNĐT thành:

- Nông nghiệp nội thị bao gồm những khu vực nhỏ (mảnh đất nhỏ, vườn, ven đường, ban công, thùng...) trong đô thị dùng để trồng trọt và nuôi gia súc nhỏ hoặc bò sữa phục vụ cho tự tiêu dùng hay

tiêu dùng ở thị trường hàng xóm.

- Nông nghiệp ngoại thị - ven đô bao gồm những nông trại gần đô thị tiến hành kinh doanh toàn phần hay bán phần rau quả và các cây trồng khác, nuôi gia cầm và gia súc, sản xuất sữa và trứng. Nông nghiệp ngoại thị bao gồm bộ phận nông nghiệp nằm trong ranh giới hành chính của đô thị và bộ phận nông nghiệp liền kề đô thị đang chịu tác động trực tiếp của đô thị và mang chức năng của NNĐT [4]. (Bảng 2)

Bảng 2. So sánh mô hình nông nghiệp nội thị và nông nghiệp ngoại thị - ven đô

TT	Đặc điểm	Nông nghiệp nội thị	Nông nghiệp ngoại thị - ven đô
1	Thời gian xuất hiện	- Xuất hiện muộn và phát triển theo sau quá trình phát triển đô thị.	- Xuất hiện muộn và phát triển dưới tác động chủ yếu của quá trình đô thị hóa.
2	Vị trí và lãnh thổ	- Khu vực nội thị. - Quy mô nhỏ, manh mún, xen ghép về mặt lãnh thổ với các hoạt động kinh tế khác nhau - Nhiều tầng (tiền hành cả trên nóc nhà tầng, ban công). - Lãnh thổ sản xuất nông nghiệp khá ổn định do quy hoạch đô thị đã hoàn tất.	- Khu vực ngoại thị - Lãnh thổ rộng lớn, được quy hoạch rõ ràng, hình thành các vùng chuyên canh, các vành đai nông nghiệp. - Lãnh thổ kém ổn định, dễ bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa theo bề rộng.
3	Chức năng	- Là bộ phận cấu thành quy hoạch đô thị. - Là hệ thống kinh tế-sinh thái. - Cung cấp thực phẩm tươi sống cho hộ gia đình và khu vực hàng xóm.	- Vai trò trung gian giữa nông nghiệp nông thôn và nông nghiệp nội thị. - Cung cấp lương thực và thực phẩm cho đô thị và các thị trường khác. - Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. - Gồm các hệ thống sinh thái: đồng ruộng, thủy vực và rừng.
4	Nguồn lực phát triển	- Nguồn lực tự nhiên đóng vai trò thứ yếu, nguồn lực chất thải, lao động, cơ sở hạ tầng. - Yếu tố nhu cầu đóng vai trò chủ yếu còn các yếu tố tự nhiên tuy được tính đến nhưng thường là thứ yếu. - Thiếu cơ sở hạ tầng riêng. - Giá thuê đất canh tác cao.	- Yếu tố tự nhiên đóng vai trò quan trọng. - Nguồn lực tự nhiên, lao động, cơ sở hạ tầng. - Cơ sở hạ tầng khá phát triển và có tính chuyên môn hóa cao. - Giá thuê đất canh tác thấp hơn.

5	Dân cư và lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Dân cư tham gia sản xuất NN có nhiều nhóm người khác nhau. Mật độ dân cư nông nghiệp rất thấp. - Lao động trong nông nghiệp phần lớn là lao động tại chỗ và lao động nữ. Tỷ lệ thời gian dành cho nông nghiệp thấp, trừ những người làm việc trong các công ty cây xanh. - Trình độ canh tác, khả năng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cao, khả năng tiếp thị tốt và linh hoạt. - Thời gian rảnh rỗi ít do có nhiều công việc phi nông nghiệp. - Tiền công lao động cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dân cư tham gia sản xuất nông nghiệp chủ yếu là nông dân. Mật độ dân cư nông nghiệp khá cao. - Lao động sử dụng toàn bộ thời gian, phần lớn thời gian cho hoạt động nông nghiệp. - Phần lớn là lao động tại chỗ, có thu nhập thấp. - Trình độ canh tác, khả năng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cao, khả năng tiếp thị tốt và linh hoạt. - Thời gian rảnh rỗi nhiều do ít công việc phi nông nghiệp. - Tiền công lao động thấp hơn
6	Kiểu hộ gia đình, doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh hỗn hợp. - Dễ thay đổi ngành nghề. - Ít doanh nghiệp và có qui mô nhỏ, phần lớn là một vài người trong hộ gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn thuần nông, ít nghề. - Chậm thay đổi ngành nghề - Doanh nghiệp nhiều, quy mô trung bình và lớn.
7	Cơ cấu ngành nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Trồng rau, đậu, hoa, cây cảnh, cây bóng mát, cây chắn bụi, cây ăn quả; nuôi thủy sản, gia súc, gia cầm, lâm nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trồng cây lương thực, rau đậu, cây ăn quả, hoa và cây cảnh, cây công nghiệp hàng năm; nuôi thủy sản, súc vật, gia cầm; lâm nghiệp.
8	Tính mùa vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành quanh năm, có nhiều sản phẩm nông nghiệp trái vụ, tính mùa vụ không lớn. - Hệ số sử dụng đất cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành quanh năm, nhưng tính mùa vụ rất rõ ràng. - Hệ số sử dụng đất khá cao.
9	Dịch vụ nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận với dịch vụ nông nghiệp khó khăn, cơ cấu dịch vụ nông nghiệp kém đa dạng và phát triển không đồng bộ. - Tín dụng phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ nông nghiệp phát triển, tiếp cận với dịch vụ nông nghiệp dễ dàng, cơ cấu dịch vụ đa dạng. - Tín dụng kém phát triển.
10	Công nghệ sản xuất, chế biến và bảo quản	<ul style="list-style-type: none"> - Khó áp dụng công nghệ và chủ yếu là những công nghệ ở quy mô nhỏ, trình độ trung bình. - Sử dụng năng lượng thương mại để chế biến và bảo quản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển khá mạnh ở cả ba qui mô (nhỏ, trung bình, lớn) và ba trình độ (thấp, trung bình, cao). - Sử dụng năng lượng thương mại và năng lượng tự nhiên để chế biến và bảo quản
11	Thị trường tiêu thụ nông sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường tại chỗ, đa dạng và khó tính. Dung lượng thị trường lớn. - Thông tin thị trường phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường chủ yếu là các đô thị, thị trường tại chỗ dung lượng thấp. - Thông tin thị trường kém phát triển hơn.
12	Trình độ thâm canh	<ul style="list-style-type: none"> - Cao. - Sử dụng các phương pháp canh tác hiện đại là chủ yếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cao. - Sử dụng các phương pháp canh tác hiện đại và cổ truyền.

13	Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả về mặt môi trường, thẩm mỹ, xã hội, giáo dục khá cao, nhưng hiệu quả kinh tế rất thấp. - Năng suất lao động thấp. - Đóng góp cho GDP rất nhỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả về mặt kinh tế cao, còn hiệu quả về các mặt môi trường, thẩm mỹ, xã hội, giáo dục thấp hơn. - Thu nhập tính trên 1ha khá cao. - Năng suất lao động cao. - Đóng góp đáng kể cho GDP.
14	Tác động môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu các thiên tai; bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn năng lượng, nguồn nước; tái sử dụng chất thải; tạo cảnh quan đẹp và không gian xanh cho đô thị. - Dễ gây ra nguy cơ nhiễm bệnh từ vật nuôi cho người trên qui mô nhỏ và ô nhiễm nguồn nước do sử dụng nhiều hóa chất nông nghiệp. - Chất lượng không khí kém. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động môi trường của nông nghiệp rất mạnh, chủ yếu tác các thành phần sinh vật, đất, nước, không khí. - Dễ gây ra nguy cơ nhiễm bệnh từ vật nuôi cho người và ô nhiễm nguồn nước trên quy mô lớn do sử dụng nhiều hoá chất nông nghiệp. - Chất lượng không khí tốt hơn.
15	Hướng chuyển hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp nội thị không thể chuyển hóa thành nông nghiệp ngoại thị, trừ một số trường hợp đặc biệt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp ngoại thị dễ dàng chuyển hóa thành nông nghiệp nội thị do quá trình mở rộng đô thị.

Nguồn: Dẫn theo Lê Văn Trường (2008) [4]

Căn cứ vào Luật Đất đai số 21/VBHN-VPQH ban hành ngày 10 tháng 12 năm 2018; Chương IV: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Điều 35 về Nguyên tắc

lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bài viết xác lập 2 mô hình NNĐT tại TP. Cao Lãnh như sau: (Bảng 3, Bảng 4).

Bảng 3. Mô hình nông nghiệp đô thị tại các phường nội thành thuộc thành phố Cao Lãnh

Phường	Rau thủy canh/ rau mầm	Rau nhà lưới/ rau an toàn	Hoa mai/ hoa lan/...	Cây cảnh/ kiếng/ bonsai/ ...	Thú cảnh/ Cá cảnh	Cây ăn trái	Thủy sản (cá giống)	Khác
Phường 1	Triển khai	Không	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không	Không	Không
Phường 2	Triển khai	Không	Không	Không	Triển khai	Không	Không	Du lịch tâm linh
Phường 3	Triển khai	Không	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không
Phường 4	Triển khai	Không	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không	Không	Du lịch tâm linh
Phường 6	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không
Phường 11	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không
Mỹ Phú	Triển khai	Không	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không	Không	Không
Hòa Thuận	Triển khai	Không	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không	Không	Không

Nguồn: Các tác giả xây dựng, 2020

Bảng 4. Mô hình nông nghiệp đô thị tại các xã ngoại thành thuộc thành phố Cao Lãnh

Xã	Rau thủy canh/ nhà lưới/ rau an toàn	Hoa mai/ hoa lan/...	Cây cảnh/ kiếng/ cây giống/ ...	Cây ăn trái	Chăn nuôi (heo, bò, dê, gà, vịt, ...)	Thủy sản (cá, ếch, tôm càng xanh, ...)	Kết hợp du lịch trải nghiệm/ du lịch sinh thái	Mô hình sản xuất NN ứng dụng công nghệ cao	Khác
Mỹ Ngãi	Không	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không	Không	Không	SX lúa giống
Mỹ Trà	Không	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không	Không	Không	SX lúa giống
Mỹ Tân	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không	Triển khai	Không	SX lúa giống
Hòa An	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không	Không
Tân Thuận Đông	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không
Tân Thuận Tây	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không
Tịnh Thới	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Triển khai	Không

Nguồn: Các tác giả xây dựng, 2020

6. Các hàm ý quản trị nhằm hỗ trợ xác lập mô hình nông nghiệp đô thị tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Giai đoạn 2020 - 2030)

• Xây dựng chiến lược phát triển NNĐT trên địa bàn TP. Cao Lãnh đến năm 2030. Từ đây, hình thành mục tiêu dài hạn và những biện pháp cơ bản làm nền tảng cho sự phát triển mang tính bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế hệ mới.

• Tiến hành quy hoạch bao gồm nghiên cứu và quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất giống, vùng sản xuất cây trồng vật nuôi chủ yếu đến cấp cơ sở; công khai, phổ biến quy hoạch, nghiên cứu khoa học về phát triển NNĐT đến tận các xã, phường, khóm, ấp

và người dân; nâng cao tính pháp lý của quy hoạch, thực hiện nghiêm minh quy hoạch được phê duyệt.

• Sử dụng vốn ngân sách tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật NNĐT: các khu nông nghiệp công nghệ cao; tiếp tục thực hiện chương trình, chính sách hỗ trợ của Trung ương và Tỉnh; phát triển mạng lưới tín dụng phục vụ cho phát triển NNĐT tại TP. Cao Lãnh.

• Xây dựng các chương trình mục tiêu để tập trung phát triển thành công từng lĩnh vực như: Giống cây, con chất lượng cao; Hoa-cây kiếng-cá cảnh; Phát triển rau an toàn; Phát triển chăn nuôi; Bảo tồn và phát triển các làng nghề gắn liền du lịch tại TP. Cao Lãnh.

• Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực NNĐT theo yêu cầu từ tiến bộ khoa học kỹ thuật; tăng cường về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên khuyến nông cấp cơ sở và thay đổi phương pháp khuyến nông theo hướng truyền đạt kiến thức đến nông dân bằng “ngôn ngữ nông dân”; duy trì và phát triển kinh tế tập thể tại TP. Cao Lãnh.

• Xây dựng và chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản; có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực lai tạo giống cây, con chủ lực với từng vùng sinh thái, đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu tại TP. Cao Lãnh.

• Xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường bao gồm xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông sản hàng hóa; mở rộng liên kết, hợp tác với các tỉnh thành khác trong phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản cho sản phẩm NNĐT tại TP. Cao Lãnh.

• Bảo vệ môi trường bao gồm thực hiện nông nghiệp tốt (Good Agriculture Practices - GAP) với

những nguyên tắc đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, sạch sẽ; thực phẩm đảm bảo không chứa các tác nhân gây bệnh; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong trồng trọt như giống mới, nhà màng, nhà lưới, tự động và bán tự động trong tưới tiêu, sử dụng phân bón hữu cơ; chăn nuôi sử dụng nguồn giống chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống chuồng trại (chú ý khâu làm mát, khử mùi) gắn sản xuất với chế biến và xử lý môi trường trong sạch như mô hình biogas, ủ phân sinh học; các sản phẩm NNĐT tại TP. Cao Lãnh mang tính đặc sản, phục vụ nhu cầu tinh thần như hoa lan, cây kiểng, cá cảnh theo quy định chặt chẽ về an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường [5].

• Thiết lập các thang đo về sự phát triển bền vững của quá trình phát triển NNĐT tại TP. Cao Lãnh như đánh giá về kinh tế - xã hội; đánh giá về sự hài lòng của người dân; đánh giá về bảo vệ môi trường vào từng thời kỳ triển khai.

• Thường xuyên tổ chức sơ - tổng kết mô hình NNĐT tại TP. Cao Lãnh nhằm cải tiến kịp thời dựa trên nguyên tắc phát triển bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. FAO (2001), *Urban and Peri-Urban Agriculture*, Rome, Italia.
2. Hương Giang (2018). *Nông nghiệp đô thị sẽ là xu thế phát triển tất yếu?* Trích xuất từ <https://vov.vn/kinh-te/nong-nghiep-do-thi-se-la-xu-the-phat-trien-tat-yeu-737682> vov
3. Hoàng Thị Ngọc Ánh (2018) *Giải pháp phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng bền vững*. <http://www.khoahocphothong.com.vn/giai-phap-phat-trien-nong-nghiep-do-thi-thco-huong-ben-vung-50571.html>
4. Lê Văn Trường (2008) từ nguồn René Van Veenhuizen (2006), *Cities Farming for the Future*, Published by RUAF Foundation, IDRC and IIRR, Philippines.
5. Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam - Vusta (2008). *Tìm hiểu về nông nghiệp đô thị và đề xuất một số giải pháp phát triển nông nghiệp đô thị Bình Dương*. Trích xuất từ <http://vusta.vn/chitie/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Tim-hieu-ve-nong-nghiep-do-thi-va-de-xuat-mot-so-giai-phap-phat-trien-nong-nghiep-do-thi-Binh-Duong-1011>
6. Luc J. A. Mougeot (2005), *AGROPOLIS: The Social, Political and Environmental Dimensions of Urban Agriculture*, Canada
7. RUAF (2002), *Urban Agriculture Magazin*. Special issue for the World Summit on Sustainable Development. Johannesburg, South Africa.
8. Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp (2019). *Đề án công nhận thành phố Cao Lãnh là đô thị loại II thuộc tỉnh Đồng Tháp*, tỉnh Đồng Tháp.
9. Ủy ban nhân dân TP. Cao Lãnh (2020). *Báo cáo số 301/BC-UBND ngày 13/12/2019 của UBND thành phố Cao Lãnh*, tỉnh Đồng Tháp.
10. Văn Việt (2020). *Sự trở dậy của nông nghiệp đô thị Châu Á*. Trích xuất từ <https://nongnghiep.vn/su-troi-day-cua-nong-nghiep-do-thi-o-chau-a-d253493.html>

Ngày nhận bài: 5/3/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/3/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/3/2020

Thông tin tác giả:

1. HOANG MANH DUNG

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Thủ Dầu Một

2. LÊ THANH HUY

Phòng Kinh tế TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

ESTABLISHING URBAN AGRICULTURE MODELS IN CAO LANH CITY, DONG THAP PROVINCE

● **HOANG MANH DUNG**

Faculty of Economics, Thu Dau Mot University

● **LE THANH HUY**

Department of Economics, People's Committees of Cao Lanh City,
Dong Thap Province

ABSTRACT:

Urbanization has narrowed the agricultural land. Increasing number of people living in urban areas and climate change have strongly affected farming conditions including the rise in temperature and the change in rainfall patterns, adversely affecting crops. Urban agriculture was developed to handle these difficulties in many parts of the world. In urban agriculture, small areas, vacant lots, gardens, lawns, balconies, terraces in big cities are used to produce agricultural products which are suitable with urban soil and climate conditions. The advantage of urban agriculture is that it lowers transport, packing and storing, production costs, reduces the rate of loss, produces fresh and nutritious products with competitive prices by reducing intermediaries, and reduces CO2 emissions. This study is expected to contribute to the urban agriculture development of Cao Lanh City, Dong Thap province in the Period from 2020 to 2030.

Keywords: Urban agriculture, Cao Lanh City, Dong Thap Province, urban agriculture models.